

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2365 /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 23 tháng 09 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ  
khoa học và công nghệ cấp quốc gia để đưa ra tuyển chọn**

**BỘ TRƯỞNG  
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ kết quả làm việc và kiến nghị của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính và Vụ trưởng Vụ Khoa học và công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh mục đề tài khoa học và công nghệ độc lập cấp quốc gia “Nghiên cứu chế tạo vật liệu composit tấm lớn từ nhựa Phenol Formaldehyde (PF) và tre làm nguyên liệu cho đóng tàu cá vỏ gỗ và tấm lót đường” để đưa ra tuyển chọn (Chi tiết trong Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Giao Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính và Vụ trưởng Khoa học và công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật:

- Thông báo danh mục nhiệm vụ nêu tại Điều 1 trên cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định để các tổ chức, cá nhân biết và đăng ký tham gia tuyển chọn.

- Tổ chức Hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá hồ sơ nhiệm vụ đăng ký tham gia tuyển chọn theo quy định hiện hành và báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về kết quả thực hiện.

**Điều 3.** Vụ trưởng Vụ Khoa học và công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Bộ NN&PTNT (để p/h);
- Lưu: VT, Vụ KHTC<sub>(NQC)</sub>.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Phạm Công Tạc**

Phụ lục

**DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
CẤP QUỐC GIA ĐẠT HÀNG ĐỀ ĐƯA RA TUYỂN CHỌN**

(Kèm theo Quyết định số 23.65 /QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 09 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ KH&CN)



TT	Tên đề tài	Định hướng mục tiêu	Sản phẩm dự kiến và yêu cầu đối với sản phẩm	Phương thức thực hiện	Ghi chú
1	Nghiên cứu sản xuất vật liệu composit tấm lớn từ nhựa Phenol Formaldehyde (PF) và tre làm nguyên liệu cho đóng tàu cá vỏ gỗ và tấm lót đường.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng được quy trình công nghệ tổng hợp nhựa PF phân từ lượng thấp để sản xuất vật liệu composit từ tre.</li> <li>Làm chủ được công nghệ sản xuất vật liệu composit từ nhựa PF và tre đáp ứng TCVN 1072-71 tương đương gỗ nhóm II và III.</li> <li>Ứng dụng thử nghiệm sản xuất vật liệu composit từ nhựa PF và tre làm nguyên liệu cho đóng tàu cá vỏ gỗ cỡ nhỏ và tấm lót đường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>01 quy trình tổng hợp nhựa PF phân từ lượng thấp làm chất nền để sản xuất composit từ tre, với thông số kỹ thuật của nhựa như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>Phân từ lượng: <math>\leq 1000</math> g/mol;</li> <li>Hàm lượng khô: <math>\geq 40\%</math>;</li> <li>Độ nhớt: <math>\leq 100</math> mPa.s.</li> </ul> </li> <li>Bộ tài liệu các quy trình công nghệ, quy trình vận hành, bảo dưỡng dây chuyền thiết bị sản xuất vật liệu composit từ nhựa PF và tre làm nguyên liệu chế tạo boong, cabin, vỏ tàu cá và tấm lót đường.</li> <li>Bộ tài liệu thiết kế dây chuyền thiết bị sản xuất vật liệu composit từ tre và nhựa PF phân từ lượng thấp dùng làm nguyên liệu đóng tàu cá vỏ gỗ và tấm lót đường xuất khẩu với công suất thiết kế 20.000 m<sup>3</sup> /năm.</li> <li>01 dây chuyền thiết bị được hoàn thiện (gồm các thiết bị chính: Thiết bị sấy tự động sử dụng hơi quá nhiệt hoặc không khí nóng; hệ thống tấm chân không áp lực; hệ thống điều chế nhựa PF; hệ thống máy ép nhiệt; hệ thống thiết bị kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm composit từ tre,...)</li> </ul>	Tuyển chọn	Có sự tham gia của doanh nghiệp đầu tư kinh phí nghiên cứu, ứng dụng thử nghiệm sản phẩm

TT	Tên đề tài	Định hướng mục tiêu	Sản phẩm dự kiến và yêu cầu đối với sản phẩm	Phương thức thực hiện	Ghi chú
			<p>sản xuất vật liệu composit từ tre và nhựa phân tử lượng thấp dùng làm ván nguyên liệu đóng tàu cá biển và tấm lót đường đạt tiêu chuẩn sản phẩm thương mại xuất khẩu, với công suất thiết kế 20.000 m<sup>3</sup> /năm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 5,0 m<sup>3</sup> vật liệu composit từ nhựa PF phân tử lượng thấp và tre để làm nguyên liệu đóng tàu cá vỏ gỗ, với thông số kỹ thuật chính như sau:</li> <li>+ Kích thước: (1,2÷4,2) x (0,3÷0,6) x (0,02÷0,06) m;</li> <li>+ Độ bền với nước biển của vật liệu đáp ứng TCVN 1072:1971 đối với gỗ nhóm II và III;</li> <li>+ Hàm lượng Formaldehyde phát thải đạt mức E1 theo tiêu chuẩn EN 13986:2004+A1:2015;</li> <li>- 01 tàu cá vỏ gỗ cỡ nhỏ cải hoán, sửa chữa boong, cabin sử dụng vật liệu composit từ nhựa PF phân tử lượng thấp và tre đáp ứng TCVN 7111-2:2002, được cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật bởi cơ quan Đăng kiểm tàu cá.</li> <li>- 100 m<sup>2</sup> tấm lót đường sử dụng vật liệu composit từ nhựa PF và tre, với các thông số kỹ thuật chính như sau:</li> <li>+ Khối lượng riêng: ≥ 1.000 kg/m<sup>3</sup>;</li> <li>+ Độ bền uốn: ≥ 90 MPa;</li> <li>+ Mô đun đàn hồi: ≥ 7.500 MPa;</li> </ul>		

TT	Tên đề tài	Định hướng mục tiêu	Sản phẩm dự kiến và yêu cầu đối với sản phẩm	Phương thức thực hiện	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tỷ lệ trương nở: <math>\leq 5\%</math>;</li> <li>+ Hàm lượng Formaldehyde phát thải đạt mức E1 theo tiêu chuẩn EN 13986:2004+A1:2015;</li> <li>+ Chiều dày: 0,06 m;</li> <li>+ Thời gian ứng dụng thử nghiệm ở điều kiện tự nhiên có độ bền cấu trúc tối thiểu 1 năm.</li> <li>- 01 đăng ký giải pháp hữu ích.</li> <li>- Hồ trợ đào tạo 01 thạc sỹ.</li> <li>- 03 bài báo được đăng trên tạp chí chuyên ngành.</li> </ul>		

